SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN

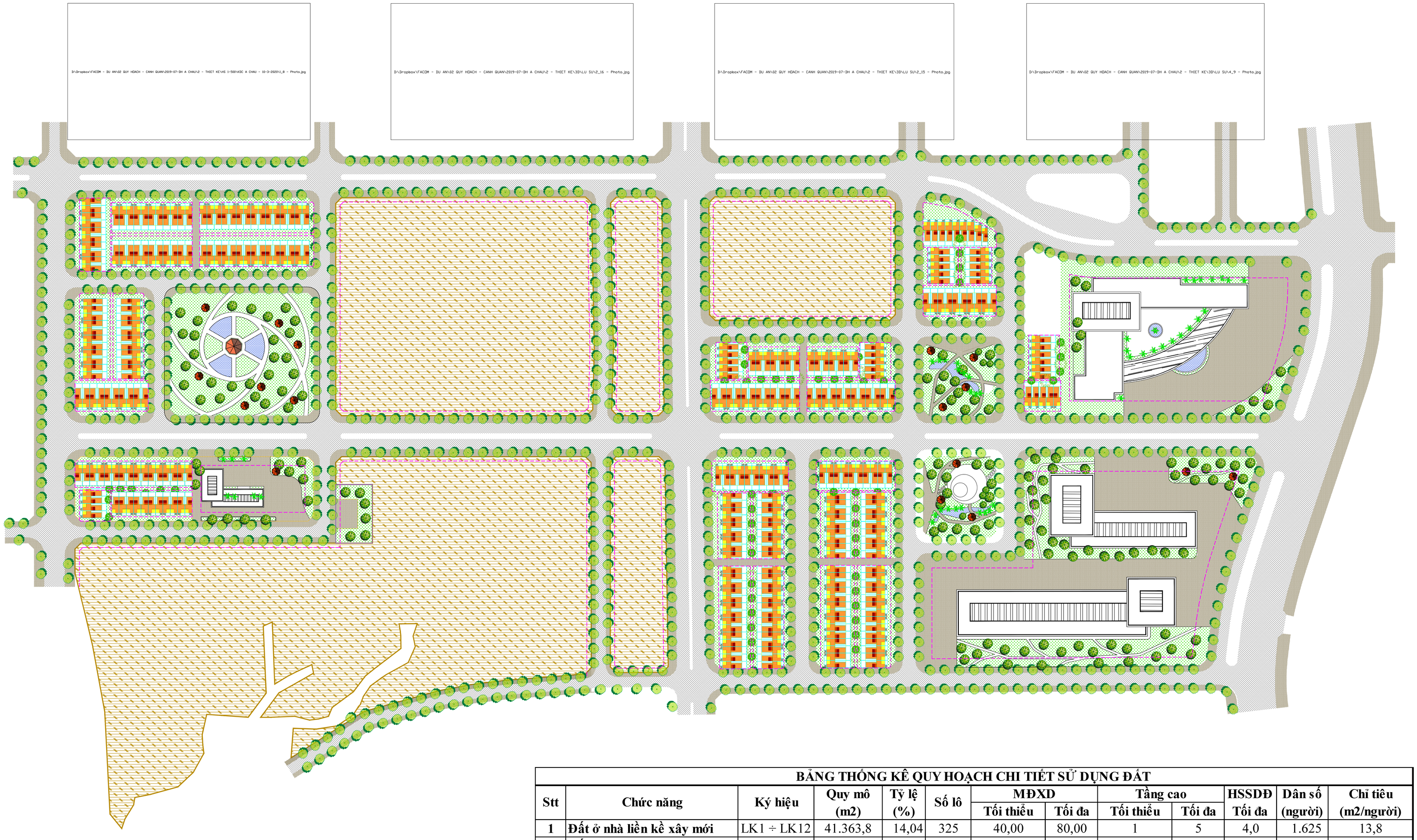

KÝ HIỆU

- ĐẤT Ở CẢI TẠO CHỈNH TRANG
- ĐẤT BÃI XE
- ĐẤT BẢO VỆ HÀNH LANG SUỐI
- MẶT NƯỚC
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
- RANH QUY HOẠCH
- (LK1) TÊN CỤM

BẢNG THỐNG KÊ QUY HOẠCH CHI TIẾT SỬ DỤNG ĐẤT

Stt	Chức năng	Ký hiệu	Quy mô (m2)	Tỷ lệ (%)	Số lô	MĐXD		Tầng cao		HSSDĐ	Dân số	Chỉ tiêu
						Tối thiểu	Tối đa	Tối thiểu	Tối đa	Tối đa	(người)	(m2/người)
1	Đất ở nhà liền kề xây mới	LK1 ÷ LK12	41.363,8	14,04	325	40,00	80,00	1	5	4,0	1.625	13,8
2	Đất ở cải tạo chỉnh trang	CT1 ÷ CT5	96.929,1	32,89	5	-	75,00	1	5	3,8	1.375	32,3
3	Đất giáo dục	GD	3.645,1	1,24	1	-	40,00	1	3	1,2	-	1,2
4	Đất trụ sở cơ quan	CQ1; CQ2	24.946,4	8,46	2	-	40,00	2	10	4,0	-	8,3
5	Đất thương mại dịch vụ	TMDV	16.557,2	5,62	1	-	60,00	2	5	3,0	-	5,5
6	Đất cây xanh công viên	CX1 ÷ CX3	13.370,6	4,54	3	-	5,00	-	1	0,05	-	4,5
7	Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật	HT	1.000,0	0,34	1	-	40,00	1	2	0,80	-	0,3
8	Đất bãi xe	BX	1.416,4	0,48	1	-	5,00	-	1	0,05	-	0,5
9	Đất bảo vệ hành lang suối	HL	1.199,0	0,41	2							0,4
10	Mặt nước	MN	782,2	0,27	2							0,3
11	Đất giao thông		93.495,2	31,73								31,2
	Tổng cộng		**294.705,1**	**100,00**	**343**		**-**	**-**	**10**	**-**	**3.000**	**98,2**

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN

QH04